

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày: 19-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thuý Hà

2. Bà Hà Thị Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
ông Nguyễn Ngọc Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Dương Thị N; sinh ngày: 14/4/1963 tại huyện P, thành phố H; Nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện P, thành phố H; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/10 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N (tên gọi khác Dương Văn T - đã chết) và con bà Vũ Thị Ô (đã chết); có chồng là Đỗ Đình T, sinh năm 1960; hiện đang cư trú tại thôn A, xã N, huyện P, thành phố H; bị cáo có 01 con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị tạm giữ từ ngày 14/10/2024; Tạm giam từ ngày 25/10/2024 cho đến nay; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Đình T, sinh năm 1960; địa chỉ: thôn A, xã N, huyện P, thành phố H (có mặt);

- Ông Khuất Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn C, xã P0, huyện P, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2007, tại khu vực thôn Đ, xã P0, huyện P, thành phố H, Khuất Văn S, sinh năm 1975, trú tại thôn C, xã P0, huyện P, thành phố H gặp Khuất Hữu N, sinh năm 1973, trú tại thôn B, xã T, huyện P, thành phố H. Khi gặp nhau, S rủ N cùng góp tiền mua Heroine để sử dụng, N đồng ý và góp 50.000 đồng (gồm hai tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng), sau đó S điều khiển xe đạp chở N đi đến nhà Đỗ Đình T (vợ là Dương Thị N) tại thôn A, xã N, huyện P, thành phố H để hỏi mua ma túy, khi đến nhà T, do cổng bị khóa nên S gọi cổng, Dương Thị N ra mở cổng, S đi theo N vào trong sân và hỏi mua hai gói Heroine, còn N đứng chờ ở ngoài cổng. N vào trong nhà hỏi T, T đồng ý lấy hai gói Heroine cất giấu ở bàn thờ đưa cho N để bán cho S, N cầm hai gói Heroine đi ra sân và bán cho S với giá 100.000 đồng, S xin N 2.000 đồng để mua bơm kim tiêm, N đồng ý và quay vào trong nhà lấy 2.000 đồng đưa cho S. Sau khi mua được ma túy, S và N đi đến thôn T, xã P1, huyện P để sử dụng ma túy, tại đây S cho một gói Heroine vào trong bơm kim tiêm, pha loãng với nước để sử dụng. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, khi S và N đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì bị Công an huyện P, thành phố H phát hiện bắt quả tang thu giữ của S và N một bơm kim tiêm loại 3cc có chứa 0,7 ml chất lỏng trong suốt, 01 gói nhỏ chất bột màu trắng.

S và N khai nguồn gốc Heroine bị thu giữ là mua của Đỗ Đình T và Dương Thị N ở xã N, huyện P. Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện P đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với Đỗ Đình T và Dương Thị N; Quá trình khám xét nhà ở của Đỗ Đình T, thu giữ 04 gói nhỏ, mỗi gói có một ít chất bột màu trắng, nghi là ma túy và 7.100.000 đồng tiền Việt Nam, gồm 22 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 27 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng nghi tiền giả và 50.000 đồng cùng một số dụng cụ giấy để gói Heroine.

Theo Bản kết luận giám định số: 212/PC21 ngày 23 tháng 4 năm 2007 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Tây (BL 185-186): 01 gói chất bột màu trắng có trọng lượng là 0,014 gam, hàm lượng Heroine là 47,3% và Chất lỏng trong xi lanh có chứa Heroine, thể tích là 0,7 ml, nồng độ Heroine 2,54mg/ml (trọng lượng Heroine là 0,001778 gam), tổng trọng lượng Heroine thu giữ của Khuất Văn S và Khuất Hữu N là 0,015778 gam.

- 04 gói chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét nơi ở của Đỗ Đình T là Heroine; 7.100.000 đồng tiền Việt Nam thu giữ tại nơi ở của T là tiền giả.

Đỗ Đình T đã bị Công an huyện P, tỉnh Hà Tây khởi tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tàng trữ tiền giả; sau đó chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Tây điều tra theo thẩm quyền. Dương Thị N cũng bị khởi tố theo Quyết định khởi tố bị can số 56 ngày 15 tháng 5 năm 2007 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, tuy nhiên, quá trình thực hiện lệnh bắt khẩn cấp đối với Dương Thị N thì N đã bỏ trốn nên Cơ quan cảnh sát Điều tra tỉnh Hà Tây đã ra Quyết định truy nã số: 22 ngày 21 tháng 5 năm 2007 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra số: 18 ngày 10 tháng 01 năm 2008 đối với Dương Thị N.

Quá trình điều tra vụ án xét thấy có liên quan đến vụ án hình sự do Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên thụ lý, giải quyết; để phục vụ cho công tác truy tố, xét xử toàn diện nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tây đã quyết định chuyển vụ án hình sự đối với Đỗ Đình T cùng đồng phạm cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết.

Quá trình điều tra vụ án, Đỗ Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, khai nhận việc Dương Thị N đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Khuất Văn S, Đỗ Đình T vào sáng ngày 18 tháng 4 năm 2007; sau đó T và các đồng phạm đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử vào ngày mùng 8, 9 tháng 5 năm 2008.

Đến ngày 14 tháng 10 năm 2024, Dương Thị N đã bị bắt tại xã N theo Quyết định truy nã số: 22 ngày 21 tháng 5 năm 2007, sau đó N được bàn giao cho Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên áp giải về tỉnh Điện Biên để thực hiện điều tra, xét xử theo thẩm quyền. Ngày 25 tháng 10 năm 2024, Cơ quan cảnh sát Điều tra đã ban hành Quyết định phục hồi điều tra bị can số: 634/QĐ-CSMT đối với Dương Thị N.

Tại Cáo trạng số: 01/CT-VKSĐB-P1 ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố Dương Thị N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đỗ Đình T khai: sáng ngày 18 tháng 4 năm 2007, khi vợ chồng T - N đang ngủ thì có người gọi cổng, N dậy ra mở cổng và quay vào nói với T có người tên S đến gặp T; là người sử dụng ma túy nên T biết S đến để mua ma túy, T lấy hai gói Heroine đưa cho N mang ra bán cho S; N quay vào đưa cho T 50.000 đồng. Sau đó, T bị bắt và bị xử phạt 27 năm tù, đến đầu năm 2023 T chấp hành xong hình phạt và trở về địa phương sinh sống.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Dương Thị Nt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Dương Thị N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; truy thu số tiền 100.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và nội dung luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện gia đình của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Dương Thị N đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: khoảng hơn 05 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2007, Đỗ Đình T và Dương Thị N đang ngủ tại nhà ở thôn A, xã N, huyện P, thành phố H thì Khuất Quang S đến gọi cửa; Dương Thị N (là vợ T) ra mở cổng, S đi theo N vào trong sân và hỏi mua hai gói Heroine, N vào trong nhà hỏi T, T đồng ý bán và lấy hai gói Heroin cất giấu ở bàn thờ đưa cho N để bán cho S, N cầm hai gói Heroin đi ra sân và bán cho S với giá 100.000 đồng, S xin N 2.000 đồng để mua bơm kim tiêm, N đồng ý rồi quay vào trong nhà lấy 2.000 đồng đưa cho S, sau đó S đi về. Khi nghe tin S và T bị bắt, vì sợ hãi nên N đã bỏ trốn.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Kết luận giám định; lời khai của bị cáo N, lời khai của Đỗ Đình T và Khuất Văn S tại Cơ quan Điều tra.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: bị cáo Dương Thị N đã có hành vi bán trái phép 0,015778 gam Heroine cho Khuất Văn S. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại thời điểm truy tố, xét xử bị cáo Dương Thị N Bộ luật Hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành, tuy nhiên hình phạt áp dụng đối với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 so với tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 không thay đổi theo hướng có lợi cho bị cáo. Do vậy việc truy tố bị cáo Dương Thị N theo Cáo trạng số: 01/CT-VKSĐB-P1 ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Dương Thị N đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy; là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn và các tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo biết rõ việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi nhuận nên bị cáo đã bất chấp, coi thường pháp luật và cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Dương Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có các anh ruột là Dương Văn N, Dương Văn T0 là Liệt sỹ; mẹ của bị cáo là Dương Thị Ô được tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng nên

bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4]. Về hình phạt chính:

Từ các phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo thực sự nguy hiểm cho xã hội cần phải xử lý nghiêm minh. Đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, nghề nghiệp chính của bị cáo trước khi bị bắt là làm tự do, thu nhập không ổn định, bị cáo có 01 con gái là người khuyết tật bẩm sinh; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Xử lý vật chứng của vụ án:

Số ma túy và xi lanh thu giữ của Khuất Văn S và Khuất Hữu N (vật chứng của vụ án) đã được xem xét, xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2008/HSST ngày 8-9/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

Đối với số tiền 100.000 đồng bị cáo N có được từ việc bán ma túy cần bị truy thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Dương Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. Các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Đình T đã bị xét xử theo bản án hình sự sơ thẩm số 72/2008/HSST, ngày 8-9/5/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên; đối với Khuất Văn S và Khuất Hữu N đã bị Công an huyện P, thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức cảnh cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Dương Thị N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: xử phạt bị cáo Dương Thị N 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2024.

3. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: truy thu của bị cáo Dương Thị N số tiền 100.000 đồng (*một trăm nghìn đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Dương Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Dương Thị N có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Đình T có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Khuất Văn S vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04, PV06);
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phạm Thị Thu Hằng

